

Số: 1527/QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản
giai đoạn 2021 - 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/NQ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 16/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 – 2030;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 (kèm theo Quyết định).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: KH&ĐT, CT, TC, KH&CN, NHNN (để p/h);
- Cổng thông tin điện tử Bộ NN&PTNT;
- UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ (để t/h);
- Sở NN&PTNT các tỉnh/thành phố (để t/h);
- Lưu: VT, TCTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phùng Đức Tiên

KẾ HOẠCH

Triển khai Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 – 2030 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCTS ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Ngày 16/8/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1408/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 – 2030 (sau đây viết tắt là Đề án). Để thực hiện Đề án nêu trên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch triển khai với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Đảm bảo tổ chức triển khai các nhiệm vụ nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả nhằm đạt được các mục tiêu của Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 16/8/2021.

2. Xác định rõ các nhiệm vụ gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và yêu cầu chủ động thực hiện, phối hợp chặt chẽ, trách nhiệm theo lộ trình để đạt được mục tiêu đề ra.

3. Kịp thời lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án vào các chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động có liên quan tại các đơn vị thuộc Bộ, địa phương nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Kế hoạch.

4. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và các Bộ, ngành địa phương có liên quan, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Nội dung, nhiệm vụ của Đề án cần thực hiện chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

2. Phân giao các nhiệm vụ, dự án ưu tiên tại Phụ lục II kèm theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục Thủy sản: Đầu mối, phối hợp với các đơn vị trong Bộ, các Bộ ngành có liên quan và địa phương theo dõi, đôn đốc, nắm bắt tình hình tham mưu Lãnh đạo Bộ xử lý kịp thời các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án nói chung và các nhiệm vụ, dự án tại Kế hoạch này.

2. Đơn vị được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này:

- Theo chức năng, nhiệm vụ, căn cứ Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện; chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có liên quan do đơn vị mình chủ trì thực hiện; chủ động rà soát nhiệm vụ và kinh phí trình đơn vị có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo thực hiện hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này đúng tiến độ.

- Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm báo cáo Bộ (qua Tổng cục Thủy sản) về tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ đã hoàn thành, nhiệm vụ

chưa hoàn thành, nêu rõ khó khăn, nguyên nhân và đề xuất phương án thực hiện để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính căn cứ đề xuất của các đơn vị có liên quan thuộc Bộ tập trung, huy động, ưu tiên bố trí nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật để triển khai hiệu quả Đề án.

4. Các cơ quan, đơn vị khác thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện Đề án; chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có liên quan do đơn vị mình chủ trì thực hiện.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố:

- Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án; chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có liên quan tại địa phương; phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các hiệp hội ngành hàng, các tổ chức xã hội để triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

- Định kỳ trước 15 tháng 12 hằng năm tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện, kết quả triển khai Đề án trên địa bàn và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Tổng cục Thủy sản) để tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ./.

Phụ lục I

KẾ HOẠCH CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCTS ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

| TT | Tên các dự án/ nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Thời gian thực hiện |
|-----------|---|--|----------------------------|
| 1 | Kiểm soát và phát triển nguồn nguyên liệu chế biến thủy sản: | | |
| 1.1 | Tổ chức thực hiện việc kiểm soát và phát triển nguồn nguyên liệu chế biến thủy sản từ nuôi trồng, khai thác thủy sản | Tổng cục Thủy sản | 2022-2030 |
| 1.2 | Đẩy mạnh kiểm soát chất lượng nguồn nguyên liệu thủy sản nhập khẩu phù hợp nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, đảm bảo 100% nguyên liệu đưa vào chế biến thủy sản có nguồn gốc hợp pháp | Cục Thú y | 2022-2030 |
| 2 | Thu hút đầu tư, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả chế biến thủy sản: | | |
| 2.1 | Ưu tiên đầu tư hệ thống kho lạnh đạt chuẩn phục vụ bảo quản nguyên liệu và thành phẩm | Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản | 2022-2030 |
| 2.2 | Xây dựng, hình thành các tập đoàn, công ty chế biến thủy sản quy mô lớn; quy hoạch, hình thành, xây dựng và phát triển các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản theo các yếu tố được chỉ ra tại Đề án | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố | 2022-2030 |
| 3 | Đẩy mạnh chế biến sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng cao: | | |
| 3.1 | Xây dựng chính sách hỗ trợ để phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng cao phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước từ: tôm, cá tra, cá ngừ, rong tảo biển | Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản | 2022-2025 |
| 3.2 | Khuyến khích nghiên cứu, tách chiết các hợp chất có hoạt tính sinh học có giá trị cao phục vụ ngành thực phẩm, hoá dược...; nghiên cứu, thử nghiệm các sản phẩm có giá trị kinh tế từ phụ phẩm như: nguyên liệu làm thức ăn bổ sung trong chăn nuôi, phân bón | Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường | 2022-2025 |

| TT | Tên các dự án/ nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Thời gian thực hiện |
|-----|---|--|---------------------|
| 4 | Phát triển thị trường tiêu thụ thủy sản (bao gồm cả thị trường xuất khẩu và thị trường tiêu thụ nội địa) | Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản | 2022-2030 |
| 5 | Tổ chức lại chuỗi sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh của sản phẩm thủy sản chế biến | | |
| 5.1 | Tổ chức lại chuỗi sản xuất theo chuỗi giá trị (liên kết dọc) từ khai thác, nuôi trồng, thu mua nguyên liệu, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm | | |
| - | Dự án đầu tư phát triển chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chế biến từ hoạt động nuôi trồng thủy sản (cá nước ngọt, tôm, nhuyễn thể, cá nước lạnh, rong biển) | Tổng cục Thủy sản | 2022-2030 |
| - | Dự án đầu tư phát triển chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chế biến từ hoạt động nuôi trồng thủy sản sinh thái/ hữu cơ (đối với tôm nước lợ) | Tổng cục Thủy sản | 2022-2030 |
| - | Dự án đầu tư phát triển chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chế biến từ một số đối tượng khai thác chủ lực (cá ngừ, cá thu) | Tổng cục Thủy sản | 2022-2030 |
| 5.2 | Tổ chức hiệu quả liên kết ngang giữa các cơ sở nuôi trồng thủy sản/khai thác thủy sản | Tổng cục Thủy sản | 2022-2030 |
| 6 | Phát triển khoa học công nghệ: | | |
| 6.1 | Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ) | Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường | 2022-2030 |
| 6.2 | Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh đối với các sản phẩm quốc gia | Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường | 2022-2030 |
| 6.3 | Nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ tiên tiến và áp dụng tiến bộ kỹ thuật | | |

| TT | Tên các dự án/ nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Thời gian thực hiện |
|-----|---|--|---------------------|
| - | Nghiên cứu và lập dự án sản xuất thử nghiệm trong chế biến, bảo quản và vận chuyển thủy sản, giảm tổn thất sau thu hoạch | Tổng cục Thủy sản | 2022-2028 |
| - | Nghiên cứu và lập dự án sản xuất thử nghiệm để nâng cao chất lượng các sản phẩm mới, sản phẩm truyền thống có giá trị gia tăng cao; nghiên cứu và thử nghiệm công nghệ sản xuất phụ gia cho chế biến thủy sản, thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thủy sản | Tổng cục Thủy sản | 2022-2028 |
| - | Tổ chức các diễn đàn chuyên giao ứng dụng khoa học công nghệ cấp quốc gia | Tổng cục Thủy sản | 2022-2030 |
| 6.4 | Xây dựng các mô hình xử lý và bảo quản thủy sản sau thu hoạch cho các chủ tàu, ngư dân trực tiếp khai thác trên biển, chủ cơ sở thu mua nguyên liệu thủy sản | Tổng cục Thủy sản | 2022-2030 |
| 6.5 | Tổ chức thực hiện việc: (i) Nghiên cứu phát triển ứng dụng và chuyển giao công nghệ số, tăng cường liên kết doanh nghiệp chế biến với các viện nghiên cứu, trường đại học. (ii) Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý, truy xuất nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm; (iii) Thúc đẩy thực hiện việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong và ngoài nước cho sản phẩm thủy sản chủ lực, sản phẩm thủy sản chế biến truyền thống và đặc sản của địa phương. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố | 2022-2030 |
| 7 | Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách thu hút đầu tư, phát triển chế biến thủy sản: | | |
| 7.1 | Hoàn thiện chính sách nhập khẩu nguyên liệu và thiết lập hệ thống hàng rào kỹ thuật của Việt Nam phù hợp với quy định quốc tế | Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản | 2022-2025 |
| 7.2 | Tổ chức xây dựng, thực hiện kế hoạch tháo gỡ hàng rào kỹ thuật của các thị trường nhập khẩu sản phẩm thủy sản Việt Nam | Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản | 2022-2030 |
| 7.3 | Xây dựng cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính mới, có tính đặc thù; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao trong chế biến thủy sản | Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản | 2022-2025 |

| TT | Tên các dự án/ nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Thời gian thực hiện |
|-----|--|--|---------------------|
| 7.4 | Xây dựng chính sách khuyến khích các hộ chế biến thủy sản quy mô nhỏ liên kết theo mô hình doanh nghiệp cổ phần, hợp tác xã, tổ hợp tác đảm bảo điều kiện về an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường | Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | 2022-2025 |
| 7.5 | Tiếp tục triển khai và tháo gỡ khó khăn trong việc tiếp cận các chính sách về liên kết sản xuất, hỗ trợ tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp | Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | 2022-2030 |
| 7.6 | Tiếp tục rà soát, bổ sung các chính sách, quy định pháp luật để thúc đẩy phát triển ngành chế biến thủy sản hiện đại, hiệu quả, an toàn và bền vững | | |
| - | Tiếp tục rà soát, bổ sung các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến chế biến thủy sản | Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường | 2022-2025 |
| - | Rà soát, xây dựng các chính sách mang tính đặc thù của ngành chế biến thủy sản như giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao tỷ lệ thủy sản qua chế biến, đầu tư ứng dụng công nghệ cao, đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất | Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản | 2022-2026 |
| - | Rà soát, xây dựng các chính sách quản lý môi trường | Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường | 2022-2028 |
| 7.7 | Tổ chức thực hiện việc: (i) Hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính; cắt giảm mạnh các rào cản về điều kiện kinh doanh; (ii) Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách tạo điều kiện phát triển vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, hình thành các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản, đầu tư hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố | 2022-2030 |
| 8 | Nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thủy sản chế biến | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố | 2022-2030 |
| 9 | Phát triển hệ thống dịch vụ hậu cần và công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành chế biến thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố | 2022-2030 |

| TT | Tên các dự án/ nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Thời gian thực hiện |
|-----------|---|--|----------------------------|
| 10 | Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ ngành chế biến thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố | 2022-2030 |
| 11 | Bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững ngành chế biến thủy sản | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố | 2022-2030 |

Phụ lục II

PHÂN GIAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCTS ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: triệu đồng.

| TT | Tên các dự án/ nhiệm vụ | Nội dung/ sản phẩm dự kiến | Kinh phí | | Đơn vị chủ trì | Nguồn vốn | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----|--|---|-----------|-----------|--|--------------------|---------------------|--------------------------------------|
| | | | 2022-2025 | 2025-2030 | | | | |
| 1 | Phổ biến, triển khai, kiểm tra, sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Đề án. | Báo cáo tình hình triển khai, kết quả triển khai hàng năm các dự án, nhiệm vụ thuộc Đề án. | - | - | Tổng cục Thủy sản | Ngân sách nhà nước | Hàng năm | Phụ lục II Quyết định số 1408/QĐ-TTg |
| | | Tổ chức hướng dẫn, phổ biến nội dung, kế hoạch triển khai Đề án | 500 | - | | | 2022-2023 | |
| | | Tổ chức giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện Đề án tại địa phương | 600 | 900 | | | Hàng năm | |
| | | Tổ chức hội nghị sơ kết thực hiện Đề án | 200 | - | | | 2025 | |
| | | Tổ chức hội nghị tổng kết thực hiện Đề án | - | 300 | | | 2030 | |
| 2 | Dự án đổi mới công nghệ quốc gia, phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng cao có nguồn gốc từ nguyên liệu, phụ phẩm thủy sản phục vụ ngành thực phẩm, hóa dược. | Các công nghệ, quy trình công nghệ tiên tiến, công nghệ cao chế biến các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng có nguồn gốc từ nguyên liệu, phụ phẩm thủy sản phục vụ ngành thực phẩm, hóa dược. - Sở hữu trí tuệ, Tiến bộ kỹ thuật mới. | 15.000 | 5.000 | Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản | Ngân sách nhà nước | 2022 - 2030 | Phụ lục I, Quyết định số 1408/QĐ-TTg |

| TT | Tên các dự án/ nhiệm vụ | Nội dung/ sản phẩm dự kiến | Kinh phí | | Đơn vị chủ trì | Nguồn vốn | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----|---|--|-----------|-----------|-------------------|--------------------|---------------------|--------------------------------------|
| | | | 2022-2025 | 2025-2030 | | | | |
| 3 | Đánh giá tác động của các chính sách khuyến khích phát triển chế biến, bảo quản thủy sản giai đoạn 2010 - 2020 và đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung cho giai đoạn 2021 - 2030. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá tác động chính sách phát triển chế biến thủy sản cho giai đoạn 2010-2020 (chính sách đất đai, thuế, khoa học công nghệ, đầu tư, tín dụng, nguồn nhân lực, kinh tế - xã hội - môi trường). - Đề xuất xây dựng, sửa đổi bổ sung hệ thống chính sách khuyến khích chế biến thủy sản cho giai đoạn 2021 – 2030. | 10.000 | - | Tổng cục Thủy sản | Ngân sách nhà nước | 2022 - 2023 | Phụ lục I, Quyết định số 1408/QĐ-TTg |
| 4 | Dự án điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản nội địa. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá hiện trạng chế biến, tiêu thụ sản phẩm nội địa (công nghệ, thiết bị, nguồn nhân lực, kinh tế-xã hội- môi trường...). - Giải pháp thúc đẩy chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản nội địa. - Xây dựng bản đồ công nghệ chế biến thủy sản; vùng nguyên liệu đặc trưng cho mỗi vùng/tỉnh. - Bộ cơ sở dữ liệu điều tra, khảo sát về chế biến và tiêu thụ thủy sản nội địa. | 15.000 | 5.000 | Tổng cục Thủy sản | Ngân sách nhà nước | 2022, 2025, 2030 | Phụ lục I, Quyết định số 1408/QĐ-TTg |

| TT | Tên các dự án/ nhiệm vụ | Nội dung/ sản phẩm dự kiến | Kinh phí | | Đơn vị chủ trì | Nguồn vốn | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----|---|---|-----------|-----------|--|--------------------------------|---------------------|---------------------------------------|
| | | | 2022-2025 | 2025-2030 | | | | |
| 5 | Nhiệm vụ xúc tiến đầu tư phát triển hệ thống kho lạnh bảo quản thủy sản. | Danh mục các dự án vận động xúc tiến đầu tư hệ thống kho lạnh bảo quản nguyên liệu thủy sản cho chế biến; hệ thống kho lạnh lưu trữ thành phẩm phục vụ phân phối, tiêu thụ; hệ thống kho lạnh thương mại tại các cảng chính phục vụ xuất khẩu sản phẩm thủy sản và nhập khẩu nguyên liệu. Các chính sách hỗ trợ đầu tư. | 10.000 | 10.000 | Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản | Ngân sách nhà nước | 2022 - 2030 | Phụ lục I, Quyết định số 1408/QĐ-TTg |
| 6 | Xây dựng các chuỗi giá trị cho các mặt hàng thủy sản từ khai thác, nuôi trồng đến chế biến, tiêu thụ; đáp ứng những tiêu chuẩn hướng tới sản xuất bền vững (bao gồm các tiêu chuẩn về môi trường, lao động...). | Các chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực từ biển, từ nuôi trồng thủy sản, đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất bền vững của thị trường quốc tế và nội địa. | 30.000 | 20.000 | Tổng cục Thủy sản | Ngân sách nhà nước, nguồn khác | 2022 - 2030 | Phụ lục II, Quyết định số 1408/QĐ-TTg |
| 7 | Rà soát, đầu tư và nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về chế biến thủy sản. | - Cơ sở dữ liệu quốc gia về chế biến thủy sản. - Tích hợp cơ sở dữ liệu chế biến thủy sản trong hệ thống cơ sở dữ liệu thủy sản quốc gia. | 5.000 | 10.000 | Tổng cục thủy sản | Ngân sách nhà nước | 2022 - 2030 | Phụ lục II, Quyết định số 1408/QĐ-TTg |
| 8 | Xem xét lựa chọn các doanh nghiệp, chuỗi sản xuất tôm, cá tra, cá ngừ, | - Xây dựng các tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp phù hợp nội dung nhiệm vụ. | 5.000 | 30.000 | Tổng cục Thủy sản | | | Phụ lục II, Quyết định số |

| TT | Tên các dự án/ nhiệm vụ | Nội dung/ sản phẩm dự kiến | Kinh phí | | Đơn vị chủ trì | Nguồn vốn | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----|--|---|-----------|-----------|--------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------------------------|
| | | | 2022-2025 | 2025-2030 | | | | |
| | rong tảo biển để hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật trong nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng cao có nguồn gốc từ nguyên liệu, phụ phẩm thủy sản phục vụ các ngành thực phẩm, hóa dược. | - Lựa chọn được các doanh nghiệp, các chuỗi sản xuất tôm, cá tra, cá ngừ, rong tảo biển để hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật. | | | | | | 1408/QĐ-TTg |
| 9 | Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành rà soát, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn; chính sách mang tính đặc thù của ngành chế biến thủy sản như giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao tỷ lệ thủy sản qua chế biến, đầu tư ứng dụng công nghệ cao, đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất, quản lý môi trường để thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến thủy sản bền vững, ổn định và hiệu quả. | Các quy chuẩn, tiêu chuẩn rà soát, xây dựng mới trong chế biến thủy sản. Các chính sách đầu tư ứng dụng công nghệ cao. | 4.500 | 5.000 | Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường | Ngân sách nhà nước | 2022 - 2030 | Phụ lục II, Quyết định số 1408/QĐ-TTg |
| 10 | Nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ tiên tiến và tiến bộ kỹ thuật | - Các công nghệ, quy trình công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, trong chế biến và bảo quản sản phẩm thủy sản. | 30.000 | 50.000 | Vụ Khoa học, công nghệ và | Ngân sách nhà nước, | 2022 - 2030 | Phụ lục II, Quyết định số |

| TT | Tên các dự án/ nhiệm vụ | Nội dung/ sản phẩm dự kiến | Kinh phí | | Đơn vị chủ trì | Nguồn vốn | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----|--|--|----------------|----------------|---|--------------------------------|---------------------|---|
| | | | 2022-2025 | 2025-2030 | | | | |
| | trong sản xuất, bảo quản, chế biến thủy sản. | - Sở hữu trí tuệ, tiến bộ kỹ thuật mới. | | | Môi trường; Trung tâm khuyến nông quốc gia. | nguồn khác | | 1408/QĐ-TTg |
| 11 | Nhiệm vụ tổ chức các diễn đàn khoa học công nghệ, hợp tác công tư, hội thảo tập huấn đề phổ biến các quy định, công nghệ mới nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng cho cơ quan quản lý, doanh nghiệp chế biến thủy sản. | - Danh mục và hướng dẫn áp dụng các quy định, công nghệ mới, công nghệ cao. - Các diễn đàn khoa học công nghệ, hội thảo, tập huấn phổ biến các quy định, công nghệ mới. | 8.000 | 15.000 | Tổng cục Thủy sản | Ngân sách nhà nước, nguồn khác | 2022 - 2030 | Phụ lục II, Quyết định số 1408/QĐ-TTg |
| 12 | Xây dựng, thực hiện kế hoạch tháo gỡ hàng rào kỹ thuật của các thị trường nhập khẩu sản phẩm thủy sản Việt Nam. | - Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Tổ chức triển khai thực hiện theo Kế hoạch được duyệt. | 5.000 | 10.000 | Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản | Ngân sách nhà nước, nguồn khác | 2022 - 2030 | Nhiệm vụ tại điểm e, khoản 1 Điều 2 Quyết định 1408 |
| | Tổng cộng: | | 138.800 | 161.200 | | | | |